

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HN - ST
Ngày: 08 – 5 - 2023
“V/v Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Nguyễn Văn Xuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022. Về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2023/QĐXXST – HN ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với ông Huỳnh Minh T1 do quen biết, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Nữ trang cưới gồm có 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra và 01 lắc tay nặng 01 chỉ vàng 24Kra, tất cả vợ chồng đã bán hết hiện không còn.

Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên nhà riêng của bà T2, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè, công việc làm ăn, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, gia đình cũng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Minh T1.

- *Về con chung*: Tên Huỳnh Minh T3, sinh 09/11/2015; hiện đang sống với ông T1. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng con và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Huỳnh Minh T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Minh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Minh T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh T3, sinh 09/11/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và về nợ chung phải thu phải trả: Do đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Huỳnh Minh T1 là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T và ông T1 có nơi cư trú tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà T và ông T1 xác lập quan hệ hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 02/3/2015. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà T với ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà T cho rằng vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè, công việc làm ăn, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, gia đình cũng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương cung cấp thì ông T1 là chồng sau của bà T, sau khi cưới vợ chồng sống tại căn nhà riêng của bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 hay ghen tuông nên dẫn đến việc xảy ra cự cãi nhau thường xuyên, có lần ông T1 đã đập phá đồ đạc trong nhà và dùng dao gây thương tích cho bản thân, bà T có báo Công an xã lập biên bản nhưng do bà T không yêu cầu xử lý về việc hủy hoại tài sản, nên Công an không xử phạt hành chính ông T1, mà chỉ giáo dục rồi cho về; ông T1 hăm dọa bà T, từ đó do bà T sợ ông T1 nên đã dọn ra nhà trọ sống, còn ông T1 thì sống trong căn nhà của bà T cho đến nay. Xét thấy vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này bà T và ông T1 lại không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ dẫn đến vấn đề gây thương tích làm mất trật tự tại địa phương phải can thiệp giáo dục. Và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án

bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T1 không còn, hàn gắn không hạnh phúc. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Cho bà T và ông T1 được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Cháu Huỳnh Minh T3, sinh ngày 09/11/2015 hiện đang sống ông T1. Khi ly hôn bà T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng cháu T3; xét thấy căn cứ vào lời khai thì nguyện vọng của cháu T3 muốn được tiếp tục sống với ông T1. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu T3. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Huỳnh Minh T3, sinh ngày 09/11/2015; khi ly hôn giao ông Huỳnh Minh T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0010734 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long được khấu trừ số tiền án phí mà bà T có nghĩa vụ chịu, do đó bà T không phải nộp.

Ông Huỳnh Minh T1 không phải chịu án phí.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh

